

**CÔNG TY TNHH AN PHÚC 39**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH AN PHÚC 39

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400902937

**3. Ngày thành lập:** 11/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ dân phố Ô Chương , Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0364364646

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                    | 0810        |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                   | 2219        |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                       | 2220        |
| 4.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại       | 2592        |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp            | 3320        |
| 6.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                  | 3600        |
| 7.  | Thoát nước và xử lý nước thải                      | 3700        |
| 8.  | Thu gom rác thải không độc hại                     | 3811        |
| 9.  | Thu gom rác thải độc hại                           | 3812        |
| 10. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại           | 3821        |
| 11. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                 | 3822        |
| 12. | Tái chế phế liệu                                   | 3830        |
| 13. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác  | 3900        |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                  | 4101        |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                            | 4102        |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                       | 4212        |
| 17. | Xây dựng công trình điện                           | 4221        |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                | 4222        |
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc | 4223        |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                  | 4229        |
| 21. | Xây dựng công trình thủy                           | 4291        |
| 22. | Xây dựng công trình khai khoáng                    | 4292        |
| 23. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo              | 4293        |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác         | 4299(Chính) |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Phá dỡ                                                                                               | 4311 |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312 |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                | 4322 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                       | 4329 |
| 30. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                       | 4330 |
| 31. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                  | 4390 |
| 32. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                      | 4659 |
| 33. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                  | 4662 |
| 34. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663 |
| 35. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                    | 4669 |
| 36. | Bán buôn tổng hợp                                                                                    | 4690 |
| 37. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4721 |
| 38. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                     | 4722 |
| 39. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                            | 4730 |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 41. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                       | 4933 |
| 42. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                          | 5210 |
| 43. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                             | 7020 |
| 44. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                            | 7729 |
| 45. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                       | 7730 |
| 46. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                           | 7820 |
| 47. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                   | 7830 |
| 48. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                | 8121 |
| 49. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                    | 8129 |
| 50. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                | 8130 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG THỊ TRANG NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/08/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122018565

Ngày cấp: 17/06/2020

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 2104- Chung cư Bách Việt, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 2104- Chung cư Bách Việt, Phường Đình Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang